TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

&&&

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2023.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

2/. Ông Nguyễn Văn Điệp.

* Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 321/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bùi Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp An B, xã Tân B1, huyện Càng L , tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp An B2, thị trấn An Lạc Th , huyện Kế S , tỉnh Sóc Tr (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 8/9/2022, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Vào năm 2010 chị và anh Nguyễn Văn L được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện, sau đó anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Càng Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/2012. Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Trọng Nh, sinh ngày 27/02/2012, hiện nay đang sống chung với chị. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, thời gian gần

đây anh chị thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, hôn nhân không tồn tại nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L, về con chung chị yêu cầu nuôi con đến đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Lượng cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H và anh L được ly hôn, giao con chung cho chị H nuôi, anh L không cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Bùi Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Vào 2012 chị H và anh L tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/2012. Vì vậy, hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh L. Thấy rằng: Hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài nhưng anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị với anh L được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng Nh, sinh ngày 27/02/2012, hiện nay đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi cháu Nh đến tuổi trưởng thành, anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình, cháu Nh có nguyện vọng sống với mẹ. Để cháu Nh ổn định tâm lý và môi trường sống. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nh cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[5] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh L, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H cho rằng anh chị không có tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu giải quyết, anh L không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng Nh, sinh ngày 27/02/2012 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn L, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0004709 ngày 5/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí sơ thẩm.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Bình, H. Càng Long, TV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm